**Hệ thống báo động PSTN&GSM/GPRS**

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG**

A drawing of a rectangular box

Description automatically generated

### .

# 

# Sơ đồ kết nối

A green circuit board with wires and a gray cable

Description automatically generated

Cảm biến

**COM**

**NO(NC)**

Đầu ra 12V DC

Nguồn 220V AC



HÌNH 1

* Kết nối nguồn AC

**|||:** kết nối với dây màu vàng

**N:** kết nối với dây nâu

**L :** kết nối với dây xanh

* Kết nối nguồn DC

Để đảm bảo máy chủ hoạt động bình thường khi nguồn điện AC bị cắt, máy chủ phải được kết nối với pin như hình 1. Dây màu đỏ nối với cực dương và dây màu đen nối với cực âm

( Lưu ý : Nên sử dụng pin 12V 7Ah và không đấu ngược cực)

* Kết nối còi báo động

Bell&C là đầu ra còi báo động, khi có báo động sẽ phát ra nguồn điện DC 12V

* AUX & C là nguồn 12V/500mA cung cấp cho các thiết bị bên ngoài
* NO , NC , COM là các đầu ra tín hiệu cảnh báo. NO là tín hiệu thường mở, NC là thường đóng, COM là chân chung.
* Z1 – Z8& C là đầu ra kết nối vùng có dây. Z1-Z8 là cực dương,C là cực âm( 2Z nối chung 1 C). Khi kết nối cần chú ý các cực tính đầu ra cảnh báo để không làm hỏng các thiết bị. Mỗi vùng có thể được lập trình riêng cho các mạch khác nhau như “ thường đóng” , “ thường mở’’ hoặc “ điện trở cuối đường dây”( Hình 2)

A diagram of a line connection

Description automatically generated

Hình 2

# **Hướng dẫn lập trình**

* Để vào chế độ lập trình

Nhấn [ SET] + [ mã cài đặt (Mặc định 000000)] +[ OK]

Lưu ý khi lập trình:

* Nhấn RESET 1 lần để trở về mục trước hoặc khi nhập sai lệnh
* Nhấn RESET 2 lần để thoát khỏi chế độ lập trình
* Trong vòng 60 giây nếu không có chỉ thị , hệ thống sẽ tự thoát khỏi chế độ lập trình
* ***DERECTIVE 30. Cài đặt thuộc tính vùng***

Trong chế độ lập trình

Nhấn [30]+ [OK]+[XXXXXXXX]+[OK]🡪 X Là thuộc tính của từng vùng, 8 X là 8 giá trị của 8 vùng. Xem bảng thuộc tính bên dưới

|  |  |
| --- | --- |
| CODE | THUỘC TÍNH VÙNG |
| 0 | Không sử dụng |
| 1 | Báo cháy |
| 2 | Báo khí gas |
| 3 | Báo động khẩn cấp |
| 4 | Báo động y tế |
| 5 | Báo động xâm nhập |
| 6 | Báo vượt rào |
| 7 | Báo khách |

## ***DERECTIVE 31. Cài đặt tốc dộ đáp ứng vùng có dây***

Trong chế độ lập trình

Nhấn [31]+[xxxxxxxx]+[OK]🡪X là thời gian phản hồi cho vùng từ 1-8, giá trị x xem bảng bên dưới

|  |  |
| --- | --- |
| CODE | THỜI GIAN |
| 1 | 50ms |
| 2 ( mặc định) | 100ms |
| 3 | 250ms |
| 4 | 500ms |
| 5 | 700ms |

* ***DERECTIVE 32. Cài dặt ngõ vào cho các vùng có dây\***

Trong chế độ lập trình

Nhấn[32]+[xxxxxxxx]+[OK]🡪x là dạng mạch ngõ vào của các vùng từ 1- 8. Giá trị x xem bảng bên dưới

|  |  |
| --- | --- |
| CODE | LOẠI VÙNG CÓ DÂY |
| 1 | Thường mở |
| 2 | Thường đóng |
| 3 | Điện trở cuối đường dây |

* ***DERECTIVE 56.Bật/ Tắt GPRS***

Trong chế độ lập trình

Nhấn[56]+ [OK]+[ x ] + [OK]🡪x = [0-1]. 0 nghĩa là tắt GPRS, 1 nghĩa là bật GPRS

* ***DERECTIVE 57. Đặt địa chỉ IP máy chủ***

Trong chế độ lập trình

Nhấn [57] + [OK] + [120] \* [25] \* [250] \* [113]+ [ OK ]

* ***DERECTIVE 60. Cài đặt REMODE***

Trong chế độ lập trình

Nhấn [60] + [OK] để vào menu kết nối điều khiển từ xa

Nhấn [1] + [OK] để kết nối điều khiển 1

Nhấn [2] + [OK] để kết nối điều khiển 2

........

Đến 8 bộ điều khiển từ xa.

Nếu CODE trống thì màn hình hiển thị như hình[ 3].nếu CODE đã đăng ký thì hiển thị như hình[ 4].

A black and white digital clock

Description automatically generated

Hình 3

A white rectangular sign with black numbers

Description automatically generated

Hình 4

* ***DERECTIVE 80. Xóa toàn bộ cài đặt***

Trong chế độ lập trình

1. Nhấn[80] + [OK] + [#] + [ OK] để khôi phục về cài đặt mặc định.